

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SYT-NVYD
V/v thông báo điều chỉnh số
lượng thẻ đăng ký khám chữa
bệnh ban đầu tại các cơ sở khám
bệnh, chữa bệnh BHYT năm 2026
trên địa bàn tỉnh

Đắk Lắk, ngày tháng 6 năm 2026

Kính gửi:

- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
 - Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
 - Các Bệnh viện thuộc Bộ, ngành trên địa bàn tỉnh;
 - Các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh;
 - UBND các xã, phường.
- (sau đây viết tắt là các đơn vị)

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 51/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội; Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

Căn cứ Công văn số 824/BHXH-CĐBHYT ngày 29/4/2026 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk về việc thông báo số lượng thẻ đăng ký khám chữa bệnh ban đầu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (BHYT) trong Quý I/2026 trên địa bàn tỉnh.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho Bảo hiểm xã hội tỉnh cấp thẻ BHYT cho đối tượng có nhu cầu đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo đúng quy định, đảm bảo các quyền lợi trong khám bệnh, chữa bệnh BHYT, Sở Y tế thông báo điều chỉnh số lượng thẻ đăng ký khám chữa bệnh ban đầu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT năm 2026 trên địa bàn tỉnh theo Phụ lục gửi kèm.

Nhận được Công văn, đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các tổ chức TMTH-CMNV thuộc Sở Y tế;
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD_(Ng).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Vũ Quang

PHỤ LỤC:
ĐIỀU CHỈNH SỐ LƯỢNG THẺ ĐĂNG KÝ KCB BAN ĐẦU TẠI CÁC
CƠ SỞ KCB BHYT NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK
(gửi kèm Công văn số: /SYT-NVYD, ngày tháng 5 năm 2026 của Sở Y tế)

STT	Mã cơ sở KBCB	Nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu	Số thẻ ĐKBĐ dự kiến giao năm 2026
1	66001	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	55.000
2	66002	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk	2.000
3	66003	Bệnh viện Đa khoa Buôn Ma Thuột	105.000
4	66004	Trung tâm y tế Krông Pắc	96.000
5	66005	Trung tâm y tế Ea Kar	38.000
6	66006	Trung tâm y tế M'Drăk	18.000
7	66007	Trung tâm y tế Krông Bông	10.000
8	66008	Trung tâm y tế Lắk	3.000
9	66010	Trung tâm y tế Krông Ana	34.000
10	66015	Trung tâm y tế Cư M'gar	65.000
11	66016	Trung tâm y tế Ea Súp	9.000
12	66017	Trung tâm y tế Krông Năng	14.000
13	66018	Trung tâm y tế Krông Búk	19.000
14	66019	Trung tâm y tế Ea Hleo	30.000
15	66020	Trung tâm y tế Buôn Đôn	6.000
16	66021	Trung tâm Y tế Cư Kuin	71.000
17	66022	Bệnh viện đa khoa khu vực 333	36.000
18	66024	Bệnh viện Số 1 Công an tỉnh Đắk Lắk	500
19	66032	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	4.000
20	66069	Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên	56.000
21	66220	Bệnh viện Đa khoa Buôn Hồ	59.000
22	66232	Bệnh viện Đa khoa Thiện Hạnh	131.000
23	66237	Phòng khám Đa khoa Hoàn hảo	100

24	66238	Phòng khám đa khoa Medic Đất Việt thuộc Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Medic Đất Việt	700
25	66239	Bệnh viện Đa khoa Cao Nguyên thuộc Công ty cổ phần Bệnh viện Đa khoa Cao Nguyên	400
26	66244	Bệnh viện nhi Đức Tâm thuộc Công ty TNHH Bệnh viện Nhi Đức Tâm	800
27	66247	Phòng khám đa khoa An Bình trực thuộc Công ty cổ phần y tế An Bình Cư M'Gar	200
28	66249	Phòng Khám Đa Khoa Tâm Phúc - Ea H'leo	300
29	66250	Bệnh viện Đại học Y dược Buôn Ma Thuột thuộc Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột	20.000
30	66251	Phòng khám Đa khoa Phúc Tâm thuộc Công ty TNHH Đa khoa Phúc Tâm	150
31	66252	Phòng khám Đa khoa Tâm Phúc Buôn Hồ thuộc Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tâm Phúc Buôn Hồ	350
32	66253	Phòng khám đa khoa Tâm Phúc Ea Kar thuộc Công Ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tâm Phúc EaKar	100
33	66254	Phòng khám Đa khoa Y Dược Ban Mê thuộc Công ty cổ phần Y Dược Ban Mê	100
34	66255	Phòng Khám Đa Khoa Tân Phúc Buôn Ma Thuột thuộc Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tân Phúc Buôn Ma Thuột	100
35	66257	Phòng khám Đa khoa Medic CT Krông Năng thuộc Công ty TNHH Medic CT	50
36	54001	Bệnh viện đa khoa Phú Yên	15.000
37	54002	Trung tâm Y tế Đông Hòa	78.000
38	54003	Trung tâm Y tế Tuy An	44.000
39	54004	Trung tâm Y tế Sông Hinh	16.000
40	54005	Trung tâm Y tế Sông Cầu	65.000
41	54006	Trung tâm Y tế Sơn Hòa	30.000
42	54007	Trung tâm Y tế Đồng Xuân	15.000
43	54008	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Đắk Lắk	1.000

44	54010	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Đắk Lắk	32.000
45	54012	Trung tâm Y tế Tây Hòa	90.000
46	54016	Trung tâm Y tế Tuy Hòa	36.000
47	54018	Bệnh viện Y học cổ truyền Phú Yên	500
48	54028	Trung tâm Y tế Phú Hòa	45.000
49	54116	Bệnh viện số 2 Công an tỉnh Đắk Lắk	6.500
50	54162	Chi nhánh Công ty TNHH Dược phẩm Đức Tín-Phòng khám đa khoa Đức Tín	31.000
51	54165	Bệnh viện Việt Mỹ Phú Yên thuộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu dược Phú Yên	4.000
52	54166	Phòng khám đa khoa khu vực thuộc Trung tâm Y tế Tuy Hòa	700
53	66113	Trạm y tế xã Ea Drông	20.000
53.1	66115	Điểm y tế Ea Siên	
54	66117	Trạm y tế phường Cư Pao	16.000
54.1	66116	Điểm y tế Bình Thuận	
54.2	66230	Điểm y tế Bình Tân	
55	66227	Trạm y tế phường Buôn Hồ	7.500
55.1	66228	Điểm y tế An Bình	
55.2	66229	Điểm y tế Thiện An	
55.3	66226	Điểm y tế Đạt Hiếu	
55.4	66111	Điểm y tế Đoàn Kết	
55.5	66114	Điểm y tế Thống Nhất	
56	66152	Trạm y tế xã Ea Riêng	10.000
56.1	66149	Điểm y tế Ea H'Mlay	
56.2	66151	Điểm y tế Ea M'Doal	
57	66224	Trạm y tế xã Krông Á	10.900
57.1	66155	Điểm y tế Krông Á	
58	66145	Trạm y tế xã M'Drắk	7.600
58.1	66150	Điểm y tế Krông Jing	
58.2	66148	Điểm y tế Ea Lai	
59	66153	Trạm y tế xã Cư'Mta	11.000
59.1	66154	Điểm y tế Cư Króa	

60	66146	Trạm y tế xã Cư Prao	10.200
60.1	66147	Điểm y tế Cư Pil	
61	66156	Trạm y tế xã Ea Trang	7.000
62	66099	Trạm y tế xã Ea M'Droh	25.000
62.1	66098	Điểm y tế Ea M'Droh	
62.2	66102	Điểm y tế Ea M nang	
63	66089	Trạm y tế xã Quảng Phú	5.000
63.1	66091	Điểm y tế Quảng Tiên	
63.2	66103	Điểm y tế Cư Suê	
63.3	66090	Điểm y tế Quảng Phú	
64	66097	Trạm y tế xã Cư M'Gar	19.500
64.1	66100	Điểm y tế Cư M'Gar	
64.2	66095	Điểm y tế Ea H'đinh	
65	66092	Trạm y tế xã Ea Khiết	16.000
65.1	66213	Điểm y tế Ea Kuêh	
66	66096	Trạm y tế xã Ea Tul	7.500
66.1	66093	Điểm y tế Ea Tar	
66.2	66094	Điểm y tế Cư Dliê Mnông	
67	66104	Trạm y tế xã Cuôr Đăng	22.000
67.1	66101	Điểm y tế Ea Drong	
68	66176	Trạm y tế xã Ea Knuéc	10.500
68.1	66174	Điểm y tế Ea Kênh	
68.2	66180	Điểm y tế Hòa Đông	
69	66178	Trạm y tế xã Krông Pắc	6.000
69.1	66177	Điểm y tế Ea Y ông	
69.2	66171	Điểm y tế Phước An	
69.3	66182	Điểm y tế Hòa Tiên	
70	66175	Trạm y tế xã Ea Phê	13.000
70.1	66181	Điểm y tế Ea Hiu	
70.2	66179	Điểm y tế Ea Kuang	
71	66185	Trạm y tế xã Tân Tiên	8.000
71.1	66183	Điểm y tế Tân Tiên	
71.2	66186	Điểm y tế Ea Yiêng	
72	66173	Trạm y tế xã Ea Kly	13.500

72.1	66172	Điểm y tế Krông Búk	
73	66184	Trạm y tế xã Vụ Bản	16.000
74	66119	Trạm y tế xã Dliê Ya	42.000
74.1	66127	Điểm y tế Ea Tân	
74.2	66120	Điểm y tế Ea Tóh	
75	66121	Trạm y tế xã Tam Giang	24.000
75.1	66123	Điểm y tế Tam Giang	
75.2	66126	Điểm y tế Cư Klông	
76	66124	Trạm y tế xã Krông Năng	23.000
76.1	66118	Điểm y tế xã Krông Năng	
76.2	66122	Điểm y tế Phú Lộc	
77	66125	Trạm y tế xã Phú Xuân	31.000
77.1	66047	Điểm y tế 49 Phú Xuân	
77.2	66129	Điểm y tế Ea Dăh	
77.3	66128	Điểm y tế Ea Púk	
78	66139	Trạm Y tế xã Ea Păl	11.500
78.1	66143	Điểm y tế Cư Prông	
79	66130	Trạm y tế xã Ea Kar	12.000
79.1	66136	Điểm y tế Ea Kar	
79.2	66133	Điểm y tế Xuân Phú	
79.3	66134	Điểm y tế Cư Huê	
79.4	66137	Điểm y tế Ea Kmút	
79.5	66138	Điểm y tế Cư Ni	
80	66131	Trạm y tế xã Ea Knốp	3.500
80.1	66222	Điểm y tế Ea Sar	
80.2	66132	Điểm y tế Ea Sô	
80.3	66135	Điểm y tế Ea Tih	
81	66142	Trạm y tế xã Cư Yang	15.000
81.1	66141	Điểm y tế Cư Bông	
82	66140	Trạm y tế xã Ea Ô	19.000
82.1	66144	Điểm y tế Cư Elang	
83		Trạm Y tế phường Buôn Ma Thuột	300
83.1	66042	Điểm y tế Tân Tiến	
83.2	66031	Điểm y tế Tân Thành	

83.3	66030	Điểm y tế Thành Công	
83.4	66044	Điểm y tế Tự An	
83.5	66028	Điểm y tế Tân Lợi	
84	66012	Trạm Y tế phường Tân An	1.000
84.1	66055	Điểm y tế Tân An	
84.2	66053	Điểm y tế Hòa Thuận	
85	66056	Trạm y tế phường Tân Lập	100
85.1	66009	Điểm y tế Tân Lập	
85.2	66011	Điểm y tế Tân Hòa	
86	66052	Trạm y tế phường Thành Nhất	150
86.1	66014	Điểm y tế Thành Nhất	
87	66057	Trạm y tế phường Ea Kao	100
87.1	66051	Điểm y tế Ea Tam	
88	66058	Trạm y tế xã Hòa phú	300
88.1	66059	Điểm y tế Hòa Khánh	
88.2	66060	Điểm y tế Hòa Xuân	
89	66078	Trạm y tế xã Ea Súp	20.000
89.1	66081	Điểm y tế Cư M'lan	
89.2	66074	Điểm y tế Ea Súp	
90	66077	Trạm y tế xã Ea Bung	8.500
90.1	66080	Điểm y tế Ea Bung	
91	66076	Trạm y tế xã Ea Rôk	25.500
91.1	66214	Điểm y tế Ia Jloi	
91.2	66079	Điểm y tế Cư Kbang	
92	66075	Trạm y tế xã Ia Lốp	6.000
93	66215	Trạm y tế xã Ia Rvê	6.500
94	66084	Trạm y tế Ea Wer	22.000
94.1	66085	Điểm y tế Tân Hòa	
94.2	66083	Điểm y tế Ea Huar	
95	66087	Trạm y tế xã Ea Nuôl	35.000
95.1	66088	Điểm y tế Ea Nuôl	
95.2	66086	Điểm y tế Cuôr Knia	
96	66082	Trạm y tế xã Buôn Đôn	6.000
97	66187	Trạm Y tế xã Krông Ana	5.000
97.1	66199	Điểm y tế Bình Hòa	

97.2	66200	Điểm y tế Quảng Điền	
98	66194	Trạm y tế xã Ea Na	23.000
98.1	66196	Điểm y tế Ea Bông	
98.2	66193	Điểm y tế Dray Sáp	
99	66197	Trạm y tế xã Dur Kmäl	7.500
99.1	66198	Điểm y tế xã Dur Kmäl	
100	66221	Trạm Y tế xã Ea Ning	7.000
100.1	66192	Điểm y tế Ea Hu	
100.2	66188	Điểm y tế Cư Êwi	
101	66189	Trạm y tế xã Ea Ktur	4.000
101.1	66190	Điểm y tế Ea Tiêu	
102	66201	Trạm y tế xã Dray Bhang	4.000
102.1	66195	Điểm y tế Hòa Hiệp	
103	66157	Trạm y tế xã Krông Bông	8.000
103.1	66166	Điểm y tế Khuê Ngọc Điền	
103.2	66163	Điểm y tế Hòa Lễ	
104	66169	Trạm y tế xã Yang Mao	16.500
104.1	66170	Điểm y tế Yang Mao	
105	66167	Trạm y tế xã Cư Pui	25.100
105.1	66162	Điểm y tế Hòa Phong	
106	66164	Trạm y tế xã Hòa Sơn	21.500
106.1	66168	Điểm y tế Hòa Sơn	
106.2	66165	Điểm y tế Yang Reh	
107	66159	Trạm y tế xã Dang Kang	18.000
107.1	66158	Điểm y tế Dang Kang	
107.2	66160	Điểm y tế Hòa Thành	
108	66107	Trạm y tế xã Krông Búk	4.500
108.1	66106	Điểm y tế Cư Né	
109	66108	Trạm y tế xã Cư Pong	13.100
109.1	66223	Điểm y tế Ea Sin	
110	66109	Trạm y tế xã Pong Drang	10.500
110.1	66217	Điểm y tế Tân Lập	
110.2	66110	Điểm y tế Ea Ngai	
111	66204	Trạm y tế xã Liên Sơn Lắc	22.000
111.1	66202	Điểm y tế Liên Sơn	

111.2	66203	Điểm y tế Yang Tao	
112	66207	Trạm y tế xã Đắc Liêng	20.100
112.1	66205	Điểm y tế Đắc Liêng	
112.2	66206	Điểm y tế Buôn Triết	
113	66209	Trạm y tế xã Đắc Phơi	15.000
113.1	66208	Điểm y tế Đắc Phơi	
114	66211	Trạm y tế xã Nam Ka	6.000
114.1	66212	Điểm y tế Ea Rbin	
115	66210	Trạm y tế xã Krông Nô	10.200
116	66061	Trạm y tế xã Ea Drăng	16.100
116.1	66064	Điểm y tế Ea Ral	
116.2	66072	Điểm y tế Dlie Yang	
117	66073	Trạm y tế xã Ea Khăl	19.000
117.1	66068	Điểm y tế Ea Khăl	
117.2	66225	Điểm y tế Ea Tir	
118	66063	Trạm y tế xã Ea Hiao	27.500
118.1	66067	Điểm y tế Ea Hiao	
119	66065	Trạm y tế xã Ea Wy	23.000
119.1	66216	Điểm y tế Cư A Mung	
119.2	66066	Điểm y tế Cư Mốt	
120	66062	Trạm y tế xã Ea H'Leo	8.500
121	54023	Trạm y tế xã Sơn Hòa	6.500
121.1	54079	Điểm y tế Củng Sơn	
121.2	54088	Điểm y tế Suối Bạc	
121.3	54085	Điểm y tế Sơn Nguyên	
121.4	54083	Điểm y tế Sơn Phước	
122	54020	Trạm y tế xã Vân Hòa	5.700
122.1	54084	Điểm y tế Sơn Xuân	
122.2	54081	Điểm y tế Sơn Định	
123	54021	Trạm y tế xã Tây Sơn	10.700
123.1	54082	Điểm y tế Cà Lúi	
123.2	54080	Điểm y tế Phước Tân	
124	54086	Trạm y tế xã Suối Trai	10.500
124.1	54089	Điểm y tế Suối Trai	
124.2	54087	Điểm y tế Krông Pa	

125		Trạm y tế phường Đông Hòa	3.300
125.1	54143	Điểm y tế Hòa Tân Đông	
125.2	54145	Trạm y tế phường Hòa Hiệp	2.600
125.3	54140	Điểm y tế Hòa Hiệp Bắc	
125.4	54142	Điểm y tế Hòa Hiệp Trung	
126	54146	Trạm y tế xã Hòa Xuân	4.200
126.1	54148	Điểm y tế Hòa Xuân Nam	
126.2	54147	Điểm y tế Hòa Tâm	
127	54056	Trạm y tế xã Đồng Xuân	10.700
127.1	54058	Điểm y tế Xuân Sơn Bắc	
127.2	54060	Điểm y tế Xuân Sơn Nam	
127.3	54959	Điểm y tế Xuân Quang 2	
128	54015	Trạm y tế xã Xuân Lãnh	13.400
128.1	54053	Điểm y tế Đa Lộc	
129	54062	Trạm y tế xã Xuân Phước	11.300
129.1	54061	Điểm y tế Xuân Quang 3	
130	54057	Trạm y tế xã Phú Mỹ	8.000
130.1	54054	Điểm y tế Phú Mỹ	
131	54127	Trạm y tế xã Phú Hòa 1	3.000
131.1	54122	Điểm y tế Hòa Hội	
131.2	54126	Điểm y tế Hòa Định Tây	
131.3	54125	Điểm y tế Hòa Định Đông	
132	54121	Trạm y tế xã Phú Hòa 2	26.500
132.1	54120	Điểm y tế Hòa Quang Bắc	
132.2	54123	Điểm y tế Hòa Trị	
133	54115	Trạm Y tế phường Xuân Đài	1.300
133.1	54114	Điểm y tế Xuân Thành	
134	54113	Trạm y tế phường Sông Cầu	3.400
134.1	54048	Điểm y tế Xuân Phương	
134.2	54047	Điểm y tế Xuân Thịnh	
135	54049	Trạm y tế xã Xuân Thọ	1.500
135.1	54050	Điểm y tế Xuân Thọ 2	
135.2	54051	Điểm y tế Xuân Lâm	
136	54014	Trạm y tế xã Xuân Cảnh	4.200
136.1	54046	Điểm y tế Xuân Cảnh	

137	54009	Trạm y tế xã Xuân Lộc	5.200
137.1	54044	Điểm y tế Xuân Hải	
138	54097	Trạm y tế xã Sông Hình	8.100
138.1	54099	Điểm y tế Sông Hình	
138.2	54098	Điểm y tế Ea Trol	
139	54095	Trạm y tế xã Đức Bình	12.700
139.1	54094	Điểm y tế Sơn Giang	
139.2	54092	Điểm y tế Đức Bình Tây	
140	54096	Trạm y tế xã Ea Bá	7.450
140.1	54093	Điểm y tế Ea Bá	
141	54100	Trạm y tế xã Ea Ly	9.700
141.1	54091	Điểm y tế Ea Lâm	
142	54132	Trạm y tế xã Tây Hòa	2.100
142.1	54134	Điểm y tế Hòa Tân Tây	
142.2	54130	Điểm y tế Hòa Bình 1	
143	54135	Trạm y tế xã Hòa Thịnh	2.800
143.1	54138	Điểm y tế Hòa Thịnh	
144	54136	Trạm y tế xã Hòa Mỹ	2.550
144.1	54137	Điểm y tế Hòa Mỹ Tây	
145	54011	Trạm y tế xã Sơn Thành	2.550
145.1	54133	Điểm y tế Hòa phú	
145.2	54128	Điểm y tế Sơn Thành Tây	
146	54159	Trạm y tế xã Tuy An Tây	5.000
146.1	54072	Điểm trạm An Xuân	
146.2	54073	Điểm trạm An Lĩnh	
147	54065	Trạm y tế xã Tuy An Đông	19.000
147.1	54066	Điểm y tế An Ninh Đông	
147.2	54067	Điểm y tế An Thạch	
148		Trạm y tế xã Tuy An Bắc	1.300
148.1	54064	Điểm y tế An Dân	
148.2	54068	Điểm y tế An Định	
149	54017	Trạm y tế xã Tuy An Nam	20.800
149.1	54076	Điểm y tế An Chấn	
149.2	54077	Điểm y tế An Thọ	
150	54075	Trạm y tế xã Ô Loan	21.700

150.1	54071	Điểm y tế An Cư	
150.2	54074	Điểm y tế An Hòa Hải	
151	54034	Trạm y tế phường Tuy Hòa	32.000
151.1	54029	Điểm y tế 1	
151.2	54031	Điểm y tế 2	
151.3	54035	Điểm y tế 5	
151.4	54036	Điểm y tế 7	
151.5	54124	Điểm y tế Hòa An	
152	54110	Trạm y tế phường Phú Yên	1.600
152.1	54111	Điểm y tế Phú Thạnh	
152.2	54139	Điểm y tế Hòa Thành	
153	54039	Trạm y tế phường Bình Kiến	22.000
153.1	54032	Điểm y tế 9	
153.2	54038	Điểm y tế Hòa Kiến	
153.3	54042	Điểm y tế An Phú	